

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18/4/2022
“V/v Ly hôn, Tnh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trần Đông.

Ông Sơn Cô Sol.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “ Ly hôn, Tnh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Chanh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: khóm T, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh T (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thạch X, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp A, xã ĐX, huyện DH, tỉnh T. (vắng mặt không lý do).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Diệp Minh T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Thạch Thị Sa N, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp A, xã ĐX, huyện DH, tỉnh T. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Dương Thị M. Địa chỉ: ấp A, xã ĐX, huyện DH, tỉnh T. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Thạch Thị T. Địa chỉ: ấp A, xã ĐX, huyện DH, tỉnh T. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Kim Thị Chanh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị và anh Thạch X do quen biết nhau và tìm hiểu thời gian 03 tháng thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010. Sau đó, đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện TC. Sau khi cưới, vợ chồng cùng nhau sống chung với mẹ ruột chị T tại khóm T, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh T. Trong cuộc sống hằng ngày, anh X đi làm thuê, còn chị T thì mua bán. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X, nhiều lần nổi tính ghen tuông, cho rằng chị T có mối quan hệ tình cảm với người khác, dẫn đến có hành vi chửi bới xúc phạm đến chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Ngoài ra, vào ngày 24/3/2019 (âm lịch) anh X có hành vi dùng một tay nắm tóc, tay còn lại cầm cây Búa để đập vào đầu chị, nhưng có người can ngăn nên anh X không thực hiện được. Từ đó, giữa vợ chồng thường xuyên cự cãi, mỗi lần vợ chồng cự cãi là anh X đuổi chị ra khỏi nhà. Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra cao điểm nhất là vào ngày 26/01/2021 nhằm ngày 28 tết nguyên đán, anh X tiếp tục chửi bới, dùng lời lẽ xúc phạm đến chị nên chị bỏ nhà lên thành phố kiếm việc làm. Từ đó đến nay, giữa vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Nay chị T nhận thấy cuộc sống hôn nhân với anh Thạch X không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Thạch X.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Thạch Kim Ái X, sinh ngày 20/5/2012 và Thạch Kim Thanh T, sinh ngày 07/01/2014 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T thống nhất giữa chị và anh X có những tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, diện tích 60m² ngang 5m x dài 12m. Vách xây tường, nền gạch men, mái tole, có lót trần, tọa lạc tại khóm 2, trị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh hiện chị đang quản lý, sử dụng và 01 xe máy hiệu Nouvo 6, mua năm 2015 do anh X đang quản lý, sử dụng. Nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh X có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, giao dịch tại chi nhánh huyện Trà Cú số tiền 100.000.000 đồng vào năm 2019, nhưng vào ngày 22/12/2021 chị T đã trả xong gốc và lãi cho Ngân hàng và chị không yêu cầu anh X phải có nghĩa vụ trả lại 50% tiền nợ vay cho chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Thạch X trình bày: Anh X thống nhất với lời trình bày của chị Kim Thị Chanh T về sự tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh X thừa nhận, do ghen tuông nên anh đã có những hành vi đối xử với chị T như chị T đã trình bày. Bản thân anh nhận thấy giữa anh và chị T chung sống không hạnh phúc và không còn tình cảm nên anh chấp nhận ly hôn với chị Kim Thị Chanh T.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Thạch Kim Ái X, sinh ngày 20/5/2012 và Thạch Kim Thanh T, sinh ngày 07/01/2014. Trong thời gian đầu, khi vợ chồng sống ly thân 02 cháu X và T sinh sống cùng anh X. Sau đó, chị T tự ý rước 02 cháu về sống với chị T cho đến nay. Vì vậy khi ly hôn, anh X yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi 02 cháu X và T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh X trình bày giữa anh và chị T có những tài sản chung như sau:

+ 01 căn nhà cấp 4, diện tích 60m² (ngang 5m x dài 12m). Vách xây tường, nền gạch men, mái tole, có lót trần, xây dựng năm 2015. Cát trên phần đất do chị Kim Thị Chanh T đang đứng tên quyền sử dụng, anh X không rõ diện tích, sổ thừa, tờ bản đồ, tọa lạc khóm 2, trị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc đất trước đây là của cha mẹ vợ. Căn nhà có giá 100.000.000 đồng. Đất có giá 1.120.000.000 đồng. Tổng cộng nhà và đất có giá trị 1.220.000.000 đồng.

+ 01 xe máy hiệu Nouvo 6, mua năm 2015. Do vợ chị Kim Thị Chanh T đứng tên quyền sở hữu. Hiện anh X đang quản lý, sử dụng. Giá trị còn lại 20.000.000 đồng.

Anh X yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị nhà, đất và xe máy. Trong đó, anh X yêu cầu được hưởng giá trị tổng tài sản là 620.000.000 đồng. Phần hiện vật anh đồng ý giao lại cho chị T được hưởng, quản lý và sử dụng.

Ngoài ra, còn một số vật dụng sinh hoạt như Tivi, Tủ lạnh, máy giặt, bàn, ghế, nhưng những tài sản này anh X để lại cho chị T sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, (giao dịch tại Chi nhánh huyện Trà Cú) số tiền 100.000.000 đồng vào năm 2019; Nợ bà Thạch Thị Sa N, số tiền 6.000.000 đồng. Nợ bà Dương Thị M số tiền 4.000.000 đồng, Nợ bà Thạch Thị T số tiền 16.000.000 đồng. Anh X yêu cầu giải quyết chia đôi những khoản nợ trên giữa anh và chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa N trình bày: Việc anh X có hỏi vay của bà số tiền 6.000.000 đồng là đúng. Nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà bà sẽ tự thỏa thuận với anh X. Ngoài ra, bà còn có yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M trình bày: Việc anh X có hỏi vay của bà số tiền 16.000.000 đồng là đúng. Nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà bà sẽ tự thỏa thuận với anh X. Ngoài ra, bà còn có yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T trình bày: Việc anh X có hỏi vay của bà số tiền 4.000.000 đồng là đúng. Nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà bà sẽ tự thỏa thuận với anh X. Ngoài ra, bà còn có yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Kim Thị Chanh T có mặt xin giữa nguyên lời trình bày và các yêu cầu như đã trình bày. Đối với các khoản nợ bà Thạch Thị Sa N số tiền 6.000.000 đồng, nợ bà Dương Thị M số tiền 4.000.000 đồng, nợ bà Thạch Thị T số tiền 16.000.000 đồng chị T trong quá trình giải quyết vụ án chị T thống nhất là nợ chung của vợ chồng do anh X hỏi vay trong thời kỳ hôn nhân để Tng trải cuộc sống gia đình. Nhưng tại phiên tòa, chị T thay đổi lời trình bày những khoản nợ này là do anh X tự ý vay, mượn nên chị không thống nhất là nợ chung của vợ, chồng. Phía bị đơn anh Thạch X vắng mặt không có lý do và đây là lần thứ hai anh X được triệu tập đến phiên tòa, nhưng vắng mặt.

Phản phát biểu của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, qua hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của đương sự. Xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Chanh T và anh Thạch X trình bày thống nhất về mối quan hệ hôn nhân, cả hai đều cho rằng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh X xác nhận có 02 con chung tên Thạch Kim Ái X, sinh ngày 20/5/2012 và Thạch Kim Thanh T, sinh ngày 07/01/2014, nhận thấy 02 cháu X và T đã đủ 07 tuổi trở lên, đang sống chung với chị T và có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu nên không xem xét đến.

- Về tài sản chung: bị đơn anh Thạch X có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản gồm 01 căn nhà cấp 4, diện tích 60m² (ngang 5m x dài 12m). Vách xây tường, nền gạch men, mái tole, có lát trần, xây dựng năm 2015. Cát trên phần đất do chị Kim Thị Chanh T đang đứng tên quyền sử dụng, anh X không rõ diện tích, số thửa, tờ bản đồ, tọa lạc khóm 2, trị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh do chị Kim Thị Chanh T đang đứng tên; 01 xe máy hiệu Nouvo 6, mua năm 2015. Do vợ chị Kim Thị Chanh T đứng tên quyền sở hữu. Hiện anh X đang quản lý, sử dụng, Tòa án đã thông báo cho anh X nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng đến nay anh X chưa nộp đơn nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Số tiền nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam bằng 100.000.000 đồng, đã được tách ra và giải quyết trong vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-DS ngày 29/12/2021. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa N, bà Dương Thị M, bà Thạch Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền mà anh X, chị T đã vay nên không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: cho nguyên đơn chị Kim Thị Chanh T được ly hôn với anh Thạch X

- Về con chung: giao con chung Thạch Kim Ái X, sinh ngày 20/5/2012 và Thạch Kim Thanh T, sinh ngày 07/01/2014 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét do chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: do anh X chưa nộp đơn yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa N, bà Dương Thị M và bà Thạch Thị T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Trường hợp có phát sinh Tnh chấp sau này thì dành cho họ một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Kim Thị Chanh T nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Diệp Minh Trường trình bày: do bị đơn anh Thạch X vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Thạch X cho rằng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị Kim Thị Chanh T, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Kim Thị Chanh T và anh Thạch X. Về con chung đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của 02 cháu Thạch Kim Ái X, sinh ngày 20/5/2012 và Thạch Kim Thanh T, sinh ngày 07/01/2014, không xét về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh X có yêu cầu chia tài sản trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng đến nay không nộp đơn yêu cầu nên đề nghị ghi nhận ý kiến mà anh X đã trình bày và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nợ chung: do các chủ nợ là bà Non, bà Thu và bà Mai không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Đối với tiền nợ ngân hàng mà chị T đã đứng ra trả xong và không yêu cầu anh X hoàn trả 50% giá trị nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, do anh X là người dân tộc sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị áp dụng Nghị Quyết 326 đề miễn án phí cho anh Thạch X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả Tnh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Kim Thị Chanh T có nội dung yêu cầu ly hôn với anh Thạch X, nơi cư trú tại ấp A, xã DX, huyện DH, tỉnh T, yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nên đây là quan hệ Tnh chấp về “*Ly hôn, Tnh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng anh Thạch X vẫn vắng mặt không có lý do. Cứ cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thạch X.

[3]. Về nội dung: Xét thấy chị Kim Thị Chanh T và anh Thạch X tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2015 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết và tình cảm vợ chồng không còn nên chị T và anh X đều thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận và công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Kim Thị Chanh T và anh Thạch X theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Kim Thị Chanh T và anh Thạch X xác nhận có hai con chung tên Thạch Kim Ái X, sinh ngày 20/5/2012 và Thạch Kim Thanh T, sinh ngày 07/01/2014. Nhận thấy, hai cháu Thạch Kim Ái X và Thạch Kim Thanh T trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày nguyện vọng được sống với mẹ là chị Kim Thị Chanh T. Đồng thời, trong thời gian qua cả hai cháu X và T sống với chị T, tình cảm mẹ con, chị em gắn bó. Phía chị T vẫn đảm bảo đủ điều kiện về kinh tế, tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về mọi mặt. Hơn nữa, anh Thạch X có Tnh chấp quyền nuôi con với chị T, nhưng khi Tòa án triệu tập đến lần thứ hai thì anh X vẫn không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản nêu lý do vắng mặt nên xem như anh X từ bỏ việc Tnh chấp quyền nuôi con với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét việc giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh X yêu cầu chia tài sản chung với chị T gồm: 01 căn nhà cấp 4, diện tích 60m² ngang 5m x dài 12m. Vách xây tường, nền gạch men, mái tole, có lát trần, xây dựng năm 2015 và 01 xe máy hiệu Nouvo 6, mua năm 2015, do vợ chị Kim Thị Chanh T đứng tên quyền sở hữu. Tại biên bản hòa giải ngày 24/3/2021 Tòa án đã giải thích cho anh X về việc phải làm và nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung để Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của anh X. Sau đó, Tòa án tiếp tục thông báo bằng văn bản cho anh X về việc nộp đơn yêu cầu chia tài sản như anh đã trình bày. Nhưng anh X vẫn không nộp đơn theo thông báo của Tòa án. Hơn nữa, Tòa án triệu tập xét xử 02 lần anh X vẫn vắng mặt không có lý do, xem như anh X bỏ quyền yêu cầu chia tài sản trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Số tiền nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam bằng 100.000.000 đồng, Tòa án đã tách ra khỏi vụ án này và đã được giải quyết trong vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-DS ngày 29/12/2021 nên không xem xét giải quyết. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa N, bà Dương Thị M, bà Thạch Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, chị Kim Thị Chanh T đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn bằng 100.000.000 đồng và nợ lãi, nhưng chị T không yêu cầu anh X hoàn trả lại 50% nghĩa vụ trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Kim Thị Chanh T là phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Chanh T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Kim Thị Chanh T và anh Thạch X.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Kim Ái X, sinh ngày 20/5/2012 và Thạch Kim Thanh T, sinh ngày 07/01/2014 cho chị Kim Thị Chanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết và khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên không xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Buộc chị Kim Thị Chanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003982 ngày 24

tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí. Anh Thạch X không phải chịu án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Linh

